

経費支弁書

Giấy bảo lãnh

米子国際ビジネスカレッジ 理事長 殿

Kính gửi thầy Hiệu trưởng Trường cao đẳng kinh doanh quốc tế Yonago

国 籍 (Quốc tịch) _____

氏 名 (Họ và tên) _____

生年月日 (Ngày tháng năm sinh) _____年 (năm) _____月 (tháng) _____日 (ngày) 生 (男 nam・女 nữ)

私は、上記の者が貴校に入学して、日本国に滞在する場合の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに経費支弁について証明します。

Tôi xin cam kết sẽ có trách nhiệm chi trả chi phí sinh hoạt và học phí trong thời gian cư trú của người được ghi ở trên, khi nhập cảnh vào Nhật Bản, việc chi trả sẽ được ghi đầy đủ theo những mục phải chi trả được ghi dưới đây.

記(Ghi)

1. 経費支弁の引受け経緯 (Cam kết bảo lãnh)

2. 経費支弁内容 (Nội dung bảo lãnh)

私は、上記の者の日本国滞在について、下記のとおり経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請する際には、送金証明書または本人名義の預金通帳 (送金事実、経費支弁事実が記載されたもの) の写しなどで、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

Tôi cam kết sẽ chi trả theo nội dung chi trả ghi phía dưới trong trường hợp gia hạn Lưu trú tại Nhật Bản cho người có tên ở trên. Ngoài ra, tôi sẽ nộp các giấy tờ ghi rõ ràng các khoản chi thực tế như bản sao chép ghi chi trả sinh hoạt phí (ghi rõ cụ thể thực tế khoản tiền chuyển, các khoản chi trả thực tế), sổ tiết kiệm hoặc giấy chứng nhận tên của người nộp.

(1) 学 費 (Học phí) 年 間 (Một năm) _____円

(2) 生活費 (Phí sinh hoạt) 月 額 (Hàng tháng) _____円

(3) 住 居 (Nhà ở)

◇在日家族と同居 (Sống cùng gia đình ở Nhật) ◇賃貸アパート (Thuê căn hộ) ◇学生寮 (Kí túc xá)

(4) 支弁方法 (送金・振込みなどの支弁方法を具体的に書いてください)

Cách thức chi trả (Ghi rõ cụ thể cách thức chi trả như Gửi tiền hay Chuyển khoản)

経費支弁者 NGƯỜI BẢO LÃNH

氏 名 (Họ và tên) : _____

住 所 (Địa chỉ) : 〒 _____

電話番号 (Điện thoại) : _____

申請者との関係 (Mối quan hệ) : _____

記入日 (Ngày kí nhập) _____年 (năm) _____月 (tháng) _____日 (ngày)

署名 (Ký tên) _____ (ký tên)